

Số: /BV-VTTBYT
V/v đề nghị báo giá thiết bị y tế, vật tư xét
nghiệm, hóa chất bổ sung lần 1 năm 2025

Hà Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh Thiết bị y tế, Vật tư xét
nghiệm, Hóa chất.

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về
Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 149/BV-CV ngày 21/3/2025 của Bệnh viện Đa khoa
tỉnh Hà Giang về việc cho chủ trương mua sắm Thiết bị y tế, hóa chất, Vật tư xét
nghiệm bổ sung lần 1 năm 2025;

Phòng VTTBYT xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Thiết bị
y tế, Vật tư xét nghiệm, hóa chất bổ sung lần 1 năm 2025 (*Có Phụ lục kèm theo*).
Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đề nghị các công
ty cung cấp báo giá của hàng hóa trên (*theo mẫu báo giá kèm theo*).

- Thời gian báo giá: Trước 17h00 ngày 01/4/2025.

- Hình thức nhận báo giá:

+ Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện
và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Phòng VTTBYT - Bệnh viện Đa khoa tỉnh
Hà Giang, Tổ 10 Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang. Điện thoại:
0976.334.981.

+ Bản file mềm gửi vào địa chỉ mail: hoangquocbao78@gmail.com.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, Phòng VTTBYT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Dũng

(Kèm theo Công văn số /BV-VTTBYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

**BẢO GIÁ
HÓA CHẤT BỔ SUNG LẦN 1 NĂM 2025**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang chúng tôi Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

[illegible]

1	Kit định tính và định lượng HSV		Kỹ thuật: Real-time PCR. Phương pháp phân tích: Định tính và định lượng. Trình tự đích: Trình tự DNA bảo thủ đặc hiệu của gene một bản sao mã hóa cho glycoprotein B (gB). Độ đặc hiệu: Herpes simplex virus type 1 (HSV-1), 100%, Herpes simplex virus type 2 (HSV-2), 100%. Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 122.124 cp/ml với xác suất 95% HSV-1: 10^{10}-$10^{2.5}$ cp/ml HSV-2: 10^{10}-$10^{2.5}$ cp/ml. Kiểm soát tách chiết/ức chế: Kiểm soát ức chế PCR và kiểm soát hiệu suất tách chiết nucleic acid (ISEX). Mẫu đầu vào: CFS, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần. Bộ/25 tests						Bộ	15				
2	Kit tách chiết ADN/ARN		Dùng để tách chiết ARN/AND chất lượng cao từ mẫu dịch tỵ hầu, huyết tương, huyết thanh,...Thành phần: PBS, Dung dịch ly giải VL1, Protein K, chất mang ARN, dung dịch rửa A, Dung dịch rửa RW, Dung dịch EB, cột lọc và ống thu 2ml. 50 test/hộp						Hộp	12				

3	Hóa chất xét nghiệm sử dụng trên máy Realtime PCR		Kỹ thuật: Real-time PCR. Phương pháp phân tích: Định tính. Trình tự đích: trình tự chèn đa bản sao đặc hiệu IS6110. Độ đặc hiệu: hệ các Mycobacterium tuberculosis (M. tuberculosis, M. bovis, M. africanum, M. microti, M. caprae, M. canetti và chủng vaccine BCG), 100%. Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 0.191 cp/μl với xác suất 95%. Kiểm soát tách chiết/ ức chế: Kiểm soát ức chế PCR và kiểm soát hiệu suất tách chiết nucleic acid (ISEX). Mẫu đầu vào: BAL, CSF, đờm, phân, mẫu phết, nước tiểu. Bộ/25 tests						Hộp	20				
4	Ống PCR 0.2mL		Tuýp PCR 0.2ml, 8-strip, nắp bằng 125strip.						Hộp	3				
	Hóa chất vật tư tương thích máy xét nghiệm đông máu ACL top 350 cts													
5	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian APTT		Thuốc thử được dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương người. Thành phần bao gồm cephalin đông khô từ mô não thỏ và kaolin hoạt hóa, Calcium Chlorid. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.25, với QC nồng độ cao: CV% 1.18. Hộp (5 x 3 ml; 2 x 10 ml)						Hộp	18				

6	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen trên máy phân tích đông máu		Thuốc thử dùng để chẩn đoán in vitro Fibrinogen theo phương pháp Clauss. Thành phần bao gồm Thrombin đông khô có nguồn gốc động vật. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 2.9, với QC nồng độ cao: CV% 1.3. Hộp (5 x 2 ml; 2 x 15 ml)						Hộp	60				
7	Hóa chất dùng để pha loãng chất chuẩn máy trên hệ thống phân tích đông máu		Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng Lồng. Hộp 1 x 100 mL						Hộp	10				
8	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động		Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride) < 0.005 %. Dạng Lồng. Hộp 1 x 4000 mL						can	30				
9	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian thrombintime (TT)		Thuốc thử dùng để xác định in vitro thời gian Thrombin trong huyết tương người. Thành phần: Thrombin đông khô có nguồn gốc từ bò. Độ lặp lại (within run): CV %1.97. Hộp (12 x 2 ml)						Hộp	30				
10	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian prothrombin (PT)		Thuốc thử được dùng để xác định thời gian prothrombin (PT) trong huyết tương người. Thành phần bao gồm: Thromboplastin đông khô từ não thỏ. Chất pha loãng. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.01, với QC nồng độ cao: CV% 1.77. Hộp (5x5ml; 2x15ml)						Hộp	6				

11	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần Acid clohydric		Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần Acid clohydric 100 mmol/L. Dạng Lỏng. Hộp 1 x 500 mL						Hộp	3				
12	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần dung dịch natri hypoclorit		Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần tối thiểu chứa dung dịch natri hypoclorit. Dạng Lỏng. Hộp 1 x 80 mL						Hộp	3				
13	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu		Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với XN PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp 10 lọ x 1ml/lọ						Hộp	2				
14	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu		Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với XN PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp 10 lọ x 1ml/lọ						Hộp	2				
15	Cồng phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động		Cồng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn 4 cổng liền khối trên một thanh. Hộp 2400 cuvette						Hộp	10				
16	Bảng mạch giao tiếp và điều khiển ORU		Vật tư Giao tiếp và điều khiển bộ phận đo quang máy ACL TOP. 1 cái/ hộp						Cái	1				

17	Đèn led bước sóng 671nm cho máy xét nghiệm đông máu		Đèn cấp bước sóng 671nm cho bộ phận đo quang.						Túi	1				
	Hóa chất vật tư tương thích máy Compcat X													
18	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian prothrombin (PT)		Thuốc thử được dùng để xác định thời gian prothrombin (PT) trong huyết tương người. Thành phần bao gồm: Thromboplastin đông khô từ não thỏ. Chất pha loãng. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.01, với QC nồng độ cao: CV% 1.77. Hộp (5x5ml; 2x15ml)						Hộp	20				
19	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian APTT		Thuốc thử được dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương người. Thành phần bao gồm cephalin đông khô từ mô não thỏ và kaolin hoạt hóa, Calcium Chlorid. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.25, với QC nồng độ cao: CV% 1.18. Hộp (5 x 3 ml; 2 x 10 ml)						Hộp	10				
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen		Thuốc thử dùng để chẩn đoán in vitro Fibrinogen theo phương pháp Clauss. Thành phần bao gồm Thrombin đông khô có nguồn gốc động vật. Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 2.9, với QC nồng độ cao: CV% 1.3. Hộp (5 x 2 ml; 2 x 15 ml)						Hộp	20				

[illegible]

[illegible]

28	Chai cấy hiệu khí người lớn		Chai môi trường phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể. - Cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh - Chứa $\geq 30\text{ml}$ môi trường và $\geq 1.6\text{g}$ hạt polyme hấp phụ - Thành phần: tổ hợp peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và amino acids ($\geq 0.00145\%$ w/v) nguồn carbon ($\geq 0.45\%$ w/v), trace elements ($\geq 0.0005\%$ w/v) và amino acid phức hợp và các chất carbohydrate trong nước tinh khiết. Các chai chứa khí trường N_2, O_2, và CO_2, trong chân không. - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485. 30 ml/chai. Tương thích với hệ thống cấy máu BacT/ALERT						Chai	2.400				
----	-----------------------------	--	---	--	--	--	--	--	------	-------	--	--	--	--

29	Chai cấy kỵ khí người lớn	Chai môi trường phát hiện vi sinh vật kỵ khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và các dịch vô khuẩn khác của cơ thể. - Cấu tạo bằng polycarbonate nắp màu cam - Chứa $\geq 40\text{ml}$ môi trường và $\geq 1.6\text{g}$ hạt polyme hấp phụ -Thành phần: : tổ hợp peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và amino acids ($>0.00145\%$ w/v), nguồn cacbon ($\geq 0.45\%$ w/v), trace elements ($\geq 0.0005\%$ w/v) và acid amin phức hợp khác và cơ chất carbohydrate trong nước tinh khiết. Các chai chứa khí trường N_2, và CO_2 trong điều kiện chân không. - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: imipenem, meropenem, oxacillin, glycyclcyclines, macrolides, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, ketolides, và glycopeptides - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485. 40 ml/chai.Tương thích với hệ thống cấy máu BacT/ALERT						Chai	2.400				
----	---------------------------	---	--	--	--	--	--	------	-------	--	--	--	--

30	Chai cấy máu trẻ		Chai môi trường phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu. - Chai cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng - Chứa $\geq 30\text{ml}$ môi trường và $\geq 1.6\text{g}$ hạt polyme hấp phụ - Thành phần: tổ hợp của peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và amino acids ($\geq 0.00145\%$ w/v) nguồn carbon ($\geq 0.45\%$ w/v), trace elements ($\geq 0.0005\%$ w/v). Chai chứa khí trơ N_2, O_2, và CO_2, trong chân không - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, ceftazidime, cefoxitin, ceftazoline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485. 30 ml/chai. Tương thích với hệ thống cấy máu BacT/ALERT						Chai	700				
31	Bộ chuẩn máy cấy máu		Bộ dụng cụ chuẩn máy cấy máu. Hộp 01 bộ. Tương thích với hệ thống cấy máu BacT/ALERT						Hộp	1				
32	Dung dịch làm sạch cho máy miễn dịch		Thành phần bao gồm: CLEAN Integrals (2 khay) và CLEAN Solution vial (10 lọ x 3,5 mL) chứa dung dịch natri hypoclorit. Hộp 10x3.5mL+2integrated						Hộp	10				
33	Điện cực Natri cho máy phân tích sinh hoá		Điện cực Natri, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Tương thích với Máy xét nghiệm Sinh hóa Au680. 1 cái/hộp						Cái	1				

34	Điện cực Kali cho máy phân tích sinh hoá		Điện cực Kali, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Tương thích với Máy xét nghiệm Sinh hóa Au680. 1 cái/hộp						Cái	1				
35	Điện cực Clo cho máy phân tích sinh hoá		Điện cực Clo, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Tương thích với Máy xét nghiệm Sinh hóa Au680. 1 cái/hộp						Cái	1				
36	Bóng đèn		Bóng đèn Halogen, 12V, 20W. Tương thích với Máy xét nghiệm Sinh hóa Au680. 1 cái/hộp						Cái	5				
37	Dây bơm nhu động		Làm bằng cao su và nhựa, chiều dài tổng 10,7 cm, (+/- 2mm), chiều dài phần cao su 8,8 cm (+/- 2mm), đường kính 5 mm (+/- 1 mm). Tương thích với Máy xét nghiệm Sinh hóa Au680. 2 cái/túi						Túi	5				
38	Cổng nhận mẫu		Cổng nhận mẫu. Tương thích với Máy khí máu Gastat 720						Chiếc	4				
39	Bộ ống dây bơm		Bộ ống dây bơm tương thích với máy khí máu Ôn định trong 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Tương thích với Máy khí máu Gastat 720. 3 chiếc/Túi						Túi	2				
40	Dung dịch đệm ISE		Hóa chất đệm điện giải. Thành phần Triethanolamine 0.1 mol/L. Hộp 4x2000ml						Hộp	4				
41	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu		Hóa chất dùng cho xét nghiệm điện giải. Thành phần: Kali clorua 1.00 mol/L. Hộp 4x1000ml						Hộp	6				
42	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)		Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L. Hộp 4x27ml+4x9ml						Hộp	2				

43	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. Lọ 5ml						Lọ	20				
44	Định lượng Bilirubin toàn phần		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L. Hộp 4x15ml+4x15ml						Hộp	2				
45	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. Lọ 5ml						Lọ	24				
46	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy		Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật. Lọ 5ml						Lọ	24				
47	Giếng phản ứng		Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL. 1.000 cái/Túi						Túi	40				
48	Dung dịch rửa		Thành phần: Dung dịch muối đậm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1). 10L/Hộp						Hộp	30				
49	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu		Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu. Bình 550mL						Bình	8				

50	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 80A		Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c. Gồm: Sodium azide: $\leq 0.01\%$; Oxidizing agent: $\leq 0.7\%$; Phosphate: $\leq 1\%$. Quy cách: (600mL x 4)/ Hộp						Hộp	4				
51	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c		Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần: Tetradeoyltrimethylammonium bromid 9000 g/L. Hộp 1000ml						Hộp	4				
52	Xà phòng rửa tay thường quy		Dung dịch rửa tay sát khuẩn chứa thành phần: Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w); Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate; Đạt tiêu chuẩn rửa tay thường qui EN 1499. 5 lít/can						Can	120				
53	Xà phòng rửa tay phẫu thuật		Dung dịch rửa tay sát khuẩn chứa thành phần: Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate; Đạt tiêu chuẩn EN 12791. Can 5 lít						Can	60				
54	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ và ống nội soi		Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần: Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6; Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút; Kèm test thử. Can 5L.						Can	40				
55	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế. Thành phần Ortho-Phthalaldehyde		Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần: Hoạt chất: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w). Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Kèm test thử. Can 5 lít						Can	120				

56	Lactophenol cotton blue		Dung dịch hỗn hợp Lactic acid và phenol Quy cách đóng gói, Lọ 100ml Trạng thái vật lý thể lỏng, màu xanh dương, Độ pH Khoảng 2.3 ở 20 °C, ở 20 °C hòa tan được. Mật độ 1.16 g/cm3 ở 20 °C						Lọ	3				
57	Mực tàu		Thuốc nhuộm tìm Cryptococcus neoformans và nhận định sơ bộ hình ảnh cryptococcus neoformans.						ống	3				
			<i>Tổng số: 57 Mặt hàng</i>											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BV-VTTBYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Công ty:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Email:.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ
VẬT TƯ XÉT NGHIỆM BỔ SUNG LẦN 1 NĂM 2025

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang chúng tôi Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

1. Báo giá Vật tư xét nghiệm bổ sung lần 1 năm 2025

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trùng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trùng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trùng thầu
1	Que thử/Khay thử/ Test thử kháng nguyên sốt rét chủng Pf/Pv		Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần. Độ nhạy: ≥ 99% (P.f), ≥95% (P.v). Độ đặc hiệu: ≥99%.						Que thử/K hay thử/ Test thử	150				
2	Que thử/Khay thử/ Test thử		Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71. Mẫu sử dụng:						Que thử/K	200				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	xét nghiệm kháng thể IgM kháng Enterovirus 71		huyết thanh hoặc huyết tương; Độ nhạy: $\geq 98\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$						hay thử/ Test thử					
3	Que thử/Khay thử/ Test thử xét nghiệm kháng nguyên NS1 của Vius Dengue		Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 92\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$						Test	300				
4	Que thử/Khay thử/ Test thử xét nghiệm morphin		Thử xét nghiệm morphin - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện OPI/Morphine - Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC						Que thử/K hay thử/ Test thử	100				
5	Que thử/Khay thử/ Test thử xét nghiệm 5 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu		Xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng bên để phát hiện định tính nhiều loại thuốc và chất chuyển hóa thuốc trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng sau: - Morphine (MOP) $\leq 300\text{ng/ml}$; - Amphetamine (AMP) $\leq 500\text{ng/ml}$; - Marijuana (THC) $\leq 50\text{ng/ml}$; - Codein (COD) $\leq 300\text{ng/ml}$; - Heroin (6-Monoacetylmorphine (HER/Heroin 6-MAM)) $\leq$						Que thử/K hay thử/ Test thử	7.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			10ng/ml Độ nhạy : MOP 100% ; AMP 100% ; THC 100%; COD 96% ; HER 98% Độ đặc hiệu: MOP≥99,9% ; AMP≥99,9% ; THC 100%; COD 100% ; HER 100% Độ chính xác : MOP≥99,9% ; AMP≥99,9% ; THC 100%; COD 98% ; HER 99% Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.000-1.037) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid , Tetracycline, Verapamil.											
6	Test thử nhanh tiểu đường		Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC - Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose, galactose - Đo được 4 loại máu khác nhau: mao mạch, động mạch và máu mao mạch gót chân trẻ sơ sinh. - Khoảng đo: 0.5-38.9 mmol/L						Test/ Que	12.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			(10-700mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0µL - Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% Đạt tiêu chuẩn ISO13485.											
7	Test urease chẩn đoán H.Pylori		Ống nhựa có nắp kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đọc kết quả từ 2-30 phút. Thành phần: Urea 40% (ml) 50 ml, Phenol red 0.04 g, Agar 4.0 g, Na2HPO4 0.05 g, KH2PO4 0.1 g, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C. Đóng gói: hộp 50 ống						Tets	300				
8	Que thử/Khay thử/ Test thử xét nghiệm kháng nguyên Chlamydia		Đạt tiêu chuẩn ISO; Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis. Mẫu phẩm; Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới. Ngưỡng phát hiện; 5x10 ⁴ IFU/ml. Độ nhạy; 93,58% độ đặc hiệu; 99,08%, độ chính xác; 100%. Không phản ứng chéo với; Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis..... Thành phần kit thử; CỘNG HỢP KHÁNG THỂ ĐƠN DÒNG KHÁNG CHLAMYDIA (Chlamydia McAb conjugate); 10 µg/ml; Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia						Tets	500				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			(Chlamydia monoclonal antibody mouse); 0.75 mg/ml; Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat); 2.25 mg/ml.											
9	Que thử/Khay thử/ Test thử xét nghiệm kháng nguyên Rotavirus		Phát hiện định tính kháng nguyên Rotavirus nhóm A trong mẫu phân						Test	200				
10	Xét nghiệm ngưng kết trên lam kính để phát hiện định tính và bán định lượng kháng thể kháng streptolysin O		ASO-latex là xét nghiệm ngưng kết trên lam kính để phát hiện định tính và bán định lượng kháng thể kháng streptolysin O. Các hạt latex phủ streptolysin O sẽ ngưng kết khi trộn với mẫu chứa ASO. - Thành phần: + Latex: Các hạt latex phủ streptolysin O, pH, 8.2. + Control (+): Huyết thanh người chứa ASO nồng độ >200 IU/mL + Control (-): Huyết thanh động vật - Độ nhạy : 98% - Độ đặc hiệu : 97% - TCCL: ISO 13485 - Đóng gói: 100 test/ Hộp						Que thử/K hay thử/ Test thử	500				
11	Meropenem 10µg		Hộp gồm 5 cartridge/ống/tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoang giấy đường kính 6mm tẩm một lượng kháng sinh chính xác						Hộp	3				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
12	Ticarcillin 75µg/Clavulanic Acid 10µg		Hộp gồm 5 cartridge/ống/tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm tằm một lượng kháng sinh chính xác						Hộp	2				
13	Ceftazidim + Avibactam 30/20 µg		Hộp gồm 5 cartridge/ống/tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoan giấy đường kính 6mm tằm một lượng kháng sinh chính xác						Hộp	2				
14	Khoanh giấy hiện nhanh enzymes β-lactamase		Hộp 50 khoan giấy đường kính 6mm đã tằm Nitrocefin để phát hiện nhanh enzymes β-lactamase đối với khuẩn lạc đã phân lập của Neisseria gonorrhoeae, Moraxella catarrhalis, Staphylococcus spp., Haemophilus influenzae và các vi khuẩn kỵ khí. Đạt tiêu chuẩn ISO						Hộp	8				
15	Khoanh giấy phát hiện ESBL (Cefotaxime 30µg, Cefotaxime 30µg + Clavulanic acid 10µg)		Phát hiện Beta-lactamases phổ rộng ở Enterobacterales, Hộp gồm 3 bộ đôi các cartridge, mỗi cartridge 50 khoan gồm: 3 cartridge chứa khoan Cefotaxime 30µg, 3 cartridge chứa khoan Cefotaxime 30µg + Clavulanic acid 10µg. Đạt tiêu chuẩn ISO						Hộp	2				
16	Khoanh giấy phát hiện ESBL (Ceftazidime 30µg, Ceftazidime 30µg +		Phát hiện Beta-lactamases phổ rộng ở Enterobacterales. Hộp gồm 3 bộ đôi các cartridge, mỗi cartridge 50 khoan gồm: 3 cartridge chứa khoan Ceftazidime 30µg, 3 cartridge chứa khoan						Hộp	2				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Clavulanic acid 10µg)		Ceftazidime 30µg + Clavulanic acid 10µg											
17	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Ceftriaxone		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Ceftriaxone. Dạng thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ceftriaxone nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	5				
18	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) cefuroxim		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh cefuroxim. Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Cefuroxime nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	5				
19	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Penicillin		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Penicillin. Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Benzylpenicillin nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	11				
20	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Amoxillin + clavulanic		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Amoxillin + clavulanic acid. Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Amoxillin + clavulanic nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.						Hộp	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Hộp 30 thanh											
21	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Imipenem		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Imipenem. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Imipenem nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
22	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Levofloxacin		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Levofloxacin. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Levofloxacin nồng độ 0.002 -32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
23	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Trimethoprim + Sulfamethoxazole		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Trimethoprim + Sulfamethoxazole. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Trimethoprim/Sulfamethoxazole nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
24	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Piperacillin						Hộp	3				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	(MIC) Piperacillin - tazobactam		và tazobactam. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Piperacillin/Tazobactam nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh											
25	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Amikacin		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Amikacin. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Amikacin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
26	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) linezolid		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh linezolid. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) linezolid nồng độ 0.016- 256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
27	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Meropenem		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Meropenem. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Meropenem nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	2				
28	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh						Hộp	3				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	(MIC) Ceftazidime		Ceftazidime. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Ceftazidime nồng độ 0.016 -256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh											
29	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Vancomycin		Xét nghiệm định lượng để xác định Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh Vancomycin. Thanh nhựa xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Vancomycin nồng độ 0.016 -256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ. Hộp 30 thanh						Hộp	3				
30	Thẻ kháng sinh đồ liên cầu AST-ST03		Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus tương thích máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Hộp 20 thẻ						Hộp	10				
31	Thẻ định danh định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus NH		Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus tương thích máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động để định danh vi khuẩn khó mọc. Hộp 20 thẻ						Hộp	10				
32	Chủng chuẩn Eikenella corrodens		Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư						Hộp	2				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			viện chủng chuẩn Eikenella corrodens ATCC BAA-1152. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước. Hộp /5 que Hộp											
33	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae		Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn Haemophilus influenzae. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước. Hộp /5 que						Hộp	1				
34	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus		Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn Staphylococcus aureus. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước. Hộp /5						Hộp	1				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			que											
35	Chủng chuẩn Escherichia coli		Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn Escherichia coli. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước. Hộp /5 que						Hộp	1				
36	Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei		Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn Haemophilus influenzae. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước. Hộp /5 que						Hộp	1				
37	Bộ nuôi cấy xét nghiệm liên cầu B có môi trường sinh màu được sử		Bộ nuôi cấy xét nghiệm liên cầu B có kháng sinh chọn lọc gồm 02 môi trường. Todd Hewitt Broth + Antibiotics và Chromogenic Strepto B. Todd Hewitt broth dùng để tăng						Hộp	50				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B		sinh chọn lọc Streptococcus, môi trường chứa trong ống nhựa có nút xoáy vặn chặt. Chromogenic Strepto B là môi trường phân lập nuôi cấy liên cầu B, đĩa 90mm . Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane Thành phần: Toddhewitt Broth: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C Chromogenic Strep B: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C; Đóng gói: 10 Bộ (10 đĩa + 10 ống)											
38	Môi trường chọn lọc để phân loại các loại nấm		Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường phân lập chọn lọc cho nấm men, nấm mốc, có bổ sung kháng sinh chọn lọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose),						Hộp	25				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Chloramphenicol, Agar, pH 5.6 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp											
39	Môi trường tạo màu để phân lập và phân biệt candida spp		Môi trường tạo màu phân lập chọn lọc nấm và định danh trực tiếp Candida albicans. Môi trường có chất của enzyme thủy phân cơ chất tạo màu hexosaminidase, hồ hợp chất ức chế, pH 6.7 Đạt tiêu chuẩn ISO						Hộp	15				
40	Đĩa thạch đổ sẵn kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc (5% máu cừu)		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đồ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride, Sheep Blood, pH: 7.3±0.2 ở 25°C. 10 đĩa/Hộp						Hộp	50				
41	Đĩa thạch đổ sẵn kiểm tra sự nhạy cảm của kháng sinh với Haemophilus		Môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất						Hộp	120				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đồ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Yeast Extract, Hematin, NAD, Agar, pH 7.3 ± 0.2. Đóng gói: 10 đĩa/Hộp											
42	Dầu soi kính hiển vi		Dầu soi kính là loại dầu trong suốt có chiết suất cao, có tác dụng làm giảm đáng kể sự tán xạ ánh sáng, làm tăng độ phân giải của hình ảnh. 500ml /chai						Chai	2				
43	Hoá chất nhuộm nhanh hình thể tinh trùng		Bộ nhuộm thích hợp với nhuộm để quan sát hình thái tinh trùng. Hộp 3 x 500 ml						Hộp	2				
44	Cồn tuyệt đối dùng cho sinh học phân tử		Thành phần: Cồn >99%, công thức: C ₂ H ₆ O. Quy cách chai ≥1 lít/chai						Chai	4				
45	Chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (Iso propanol)		Công thức hóa học: C ₃ H ₈ O; Chai 1 lít						Chai	1				
46	Formaldehyde solution		FORMALDEHYDE (Formalin) (36-38%). 500 ml/chai						Chai	70				
47	Chất gắn mẫu tế bào cho cắt lạnh		Hóa chất dạng lỏng nhớt, tan trong nước. Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh - Thành phần gồm có:						Chai	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- Polyvinyl Alcohol: 5-15% - Polyethylene Glycol: 1-10% - Các thành phần không gây kích ứng: 75-95% - Đóng gói chai 118ml											
48	Dung dịch khử canxi: Rapid Acid Decalcifier (chai 1000ml)		Được dùng để khử canxi cho tất cả các mô xương hoặc xương hóa được nghiền cứu bằng các kỹ thuật miễn dịch hóa (immunochemical). Nó có thể được sử dụng trên sinh thiết kim của tủy xương cũng như trên các mẫu xương lớn hơn. Chai $\geq 1000\text{ml}$						Chai	12				
49	Khí Argon dùng cho máy phát tia Plasma lạnh		Thành phần: Argon độ tinh khiết 99,9995%; H ₂ O < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm. Bình 8 lít						Bình	70				
50	Hóa chất cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp H ₂ O ₂		Hóa chất tiệt trùng: sử dụng trong máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydro Peroxide với mục đích tiệt khuẩn các thiết bị y tế. Thành phần: Hydrogen Peroxide 59%, Thành phần không hoạt hóa 41%. Chất lỏng, không màu, pH: 0 - 3.5. Mỗi cốc sử dụng được cho 4 chu kỳ chuẩn; 8 chu kỳ nhanh. (tương thích với dòng máy tiệt trùng nhiệt độ thấp V-pro).						Cốc	30				
51	Hoá chất cho máy tiệt trùng		Thành phần: Ethylene oxide 100%; Bình 170g; Sử dụng 1						Bình	400				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	nhiệt độ thấp EO		bình/mẻ; Có mã vạch 2D được mã hóa bằng mã sản phẩm, số lô, hạn sử dụng và trọng lượng của bình.											
52	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp EO		Ống kín chứa Bào tử đề kháng cao Bacillus Atrophaeus; Nhiệt độ ủ: 37°C ± 2°C; Thời gian đọc kết quả: 4 giờ khi ủ; Thành phần: Vỏ và nắp ống chỉ thị 40-45%, Dung dịch nuôi cấy sinh học 30-40%, Ống thủy tinh 30-40%, Lưới cán 1-3%, Nhân với mực chỉ thị 1-3%; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp 50 ống						Ống	750				
53	Chỉ thị hoá học cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp EO 1251		Que giấy Chỉ thị hóa học, dùng kiểm tra tiệt khuẩn với khí EO. Kích thước 1,5cm x 20cm.Vạch màu thay đổi từ màu đỏ sang màu xanh sau khi qua tiệt khuẩn. Túi 240 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485						Miếng	2.880				
54	Giấy in sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp EO		Giấy in dùng với máy tiệt khuẩn EO. In các thông tin, dữ liệu vận hành của máy. Kích thước (Rộng x Dài) 8cm x 30m.						Cuộn	12				
55	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước		Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước. Chu trình tiệt khuẩn 132°C - 134°C. Thành phần: Coated paper 90 - 98%, Sulphur 1-2%, Acrylic Polymer 0-1%. Đáp ứng tiêu						Gói	12				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			chuẩn ISO 13485:2016.											
56	Gel siêu âm		Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. ISO 13485:2016. Can 5 lít						Can	100				
57	Parafin ống 10ml		Dung dịch Paraffin . Thể tích 10ml						Ống	5.000				
58	Ống nghiệm falcon tiết trùng đáy nhọn 15 ml		Ống nắp vặn, thể tích làm việc: 15 ml, đế hình nón, trong suốt, vật liệu PP, nắp: đỏ, nắp lắp ráp, có in, có vạch chia. - Ly tâm tối đa (RCF) 20000xg - Kích thước: Đường kính 17mm - chiều dài của sản phẩm 120mm - Chất liệu sản phẩm Polypropylen (PP), chịu được nhiệt độ -80oC đến 120oC - Kiểu đáy: hình nón, không tự đứng, đã tiết trùng						Cái	5.000				
59	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml		Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).						Cái	2.500				
60	Ống nghiệm tiết trùng đáy		Chiều cao 75 mm, đường kính 12mm; Dung tích 5ml; Đáy tròn;						Ống/ Cái/	500				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	tròn 5 ml		Chất liệu nhựa PS trong suốt; Đã tiệt trùng						Chiếc					
61	Ống nghiệm tiết trùng đáy tròn ≥13ml		Chiều cao 100 mm, đường kính 16mm; Dung tích ≥13ml; Đáy tròn; Chất liệu nhựa PP trong suốt						Ống/ Cái/ Chiếc	500				
62	Ống tuýp bảo quản mẫu 15 ml		Ống nắp vặn, thể tích làm việc: 15 ml, đế hình nón, trong suốt, vật liệu Polypropylen (PP), nắp: đỏ, có vạch chia. - Kích thước: Đường kính 17mm; chiều dài của sản phẩm 120mm - Kiểu đáy: hình nón, không tự đứng, đã tiệt trùng						Cái	1.500				
63	Ống tuýp bảo quản mẫu 5ml		Chiều cao 75 mm, đường kính 13mm. Dung tích 5ml; Đáy tròn; Chất liệu nhựa PS trong suốt; Đã tiệt trùng						Cái	500				
64	Giấy lau không bụi		Giấy lau dầu, hóa chất không sinh bụi chuyên dùng cho phòng sạch, không gây tĩnh điện, không gây mùn giấy						Cuộn	100				
65	Calcium Hydroxide		Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ 10g						Lọ	9				
66	Châm gai lấy tủy		Châm gai lấy tủy các số 15 ,20, 25. 6 cái/ vĩ						Cái	360				
67	Chổi đánh bóng		Chổi đánh bóng nha khoa. Hộp 50 cái						Cái	300				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
68	Côn giấy các số		Côn giấy thấm hút làm khô ống tủy trong quá trình điều trị nội nha. Hộp 120 cái						Cái	720				
69	Đài cao su đánh bóng răng		Dùng đánh bóng miềng trám composite; Hình dạng: đĩa, nụ, ly phù hợp cho nhiều vị trí răng khác nhau.						Cái	150				
70	Nong ống tủy		Nong ống tủy các số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40. 6 cái /hộp						Cái	300				
71	Dũa ống tủy		Dũa ống tủy các số 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40. 6 cái / hộp						Cái	300				
72	Dịch hàn ống tủy		Dịch hàn chứa Radiopaque; Dùng kết hợp với nón gutta percha. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Hộp ≥ 25 g						Hộp	3				
73	Fuji IX		Xi măng trám răng. Hộp 15g						Hộp	9				
74	Gutta percha các số		Dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. 100 cái/ hộp						Cái	1.500				
75	Keo trám Bonding		Keo dán một thành phần, xoi mòn với acid (total-etch). Keo dán nền ethanol/nước. Lọ 6g						Lọ	6				
76	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy		Đây là dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ. 4 cái/ vĩ						Cái	60				
77	Bơm tiêm áp lực nha khoa		Dung tích: 3ml, phần thân và cả mũi kim đều được làm từ inox không gỉ.						Cái	9				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
78	Canxi Hydroxid		Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong điều trị nội nha dùng che tủy trực tiếp, gián tiếp hoặc tạo lớp cách nhiệt đối với xoang sâu ngà sâu. Lọ 10g						Lọ	6				
79	Chất hàn Fuji 9		Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. Tuýp 15mg						Hộp/ Tuýp	21				
80	Chất hàn ống tủy		Xi măng hàn ống tủy vĩnh viễn, thành phần Hydrocortisone acetate, Thymol iodide, barium sulfate, zinc oxide , magnesium stearate. Lọ 23g						Lọ	3				
81	Chất hàn tạm		Là vật liệu dùng để hàn tạm và điều trị nội nha. Độ cứng chắc, bám dính tốt, nhanh cứng và vẫn dễ dàng tháo gỡ. Lọ 30g						Lọ	9				
82	Chổi cước nha khoa		Cán kim loại, đầu chổi được làm bằng cước y tế, sử dụng để đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước có độ bền cao.						Cái	300				
83	Composite lỏng A3		Là vật liệu được trám các lỗ hổng trên răng, loại lỏng, có tính thẩm mỹ cao, màu giống màu răng tự nhiên. Độ cứng, độ chịu lực tốt. Tuýp 2g						Tuýp	60				
84	Côn giấy		Được cuốn bằng khuôn tay. Các Côn có độ thuận giống nhau, có						Hộp	6				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			vạch chia, có các số khác nhau giúp xác định chiều dài ống tùy nhanh. Côn giấy số 30 thấm hút hoàn toàn. Hộp 200 cái.											
85	Côn gutta số 20		Được cuốn bằng khuôn tay. Các Côn có độ trơn giống nhau, có vạch chia, có các số khác nhau giúp xác định chiều dài ống tùy nhanh. Các Côn có độ trơn giống nhau, có vạch chia, có các số khác nhau Côn gutta số 20 Thấm hút hoàn toàn. Hộp 200 cái						Hộp	60				
86	Côn gutta số 25		Được cuốn bằng khuôn tay. Các Côn có độ trơn giống nhau, có vạch chia, có các số khác nhau Côn gutta số 25 thấm hút hoàn toàn. Hộp 200 cái						Hộp	60				
87	Đầu gương nha khoa		chất liệu Inox không gỉ, kích thước gương 2cm						Cái	120				
88	Etching		Prime-Dent Etching gel là một axit xoi mòn men răng, ngà răng với 37% acid phosphoric. Tuýp 5ml						Tuýp	15				
89	Eugenol		Dầu Eugenol dùng để trộn với oxid kẽm hoặc các vật liệu khác để làm giảm đau, chống viêm trong thủ thuật nha khoa. Lọ: 30ml						Lọ	9				
90	Nong giữa ống tùy hộp các số		Hộp các số 15-40, chiều dài 25mm, chất liệu được làm bằng thép không gỉ, dùng để điều trị tùy răng						Cái	360				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
91	Nong ống tủy số 10, chiều dài 21mm		Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn. Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 10, có chiều dài 21mm.						Cái	360				
92	Nong ống tủy số 10, chiều dài 25mm		Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn. Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 10, có chiều dài 25mm.						Cái	360				
93	Nong ống tủy số 15, chiều dài 21mm		Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 15, có chiều dài 21mm.						Cái	180				
94	Nong ống tủy số 15, chiều dài 25mm		Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 15, có chiều dài 25mm.						Cái	180				
95	File K nong ống tủy số 20, chiều dài 25mm		K-Files là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 20, có chiều dài						Cái	90				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			25mm.											
96	Nong ống tủy số 25, chiều dài 25mm		Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, số 25, có chiều dài 25mm.						Cái	90				
97	Gắp nha khoa		Có hai đầu mũi khép chặt, dùng để gắp bông gạc, hoặc giúp cô lập răng hay lau khô xoang trước khi điều trị, dài 15,5cm						Cái	60				
98	Giấy cắn		Mềm, mịn, không dính, cho dấu răng rõ ràng. Độ dai cao, kháng rách. Độ dày 101.6µm. Hộp 10 tập.						Hộp	3				
99	Giấy đánh chất hàn		Giấy đánh chất hàn Fuji nha khoa. Giấy trắng sáng, dày Dùng để đánh chất hàn, xi măng trám răng trong nha khoa						Tập	3				
100	Gương nha khoa		Cán làm bằng chất liệu được làm bằng thép không gỉ.						Cái	60				
101	Hộp đựng file nội nha		Vỏ hộp chất liệu Inox. Quy cách: Hộp 72 lỗ						Cái	6				
102	Kéo cắt mô nha khoa, nhân khoa 10cm		Làm bằng thép không gỉ, dài 10 cm						Cái	15				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
103	Letulo		Được làm bằng thép không gỉ, có độ đàn hồi, mềm dẻo linh hoạt. Chịu được nhiệt độ hấp khử trùng mà không bị biến dạng						Cái	60				
104	Mũi khoan kim cương đuôi chuột, độ sắc (xanh lam)		Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ.						Cái	90				
105	Mũi khoan kim cương tròn đường kính 1mm, độ sắc (xanh lam)		Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ						Cái	90				
106	Mũi khoan kim cương trụ đường kính 1mm độ sắc (xanh lam)		Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ						Cái	150				
107	Ổng nhựa hút nước bọt nhựa		Chất liệu nhựa PVC, kích thước; ống đường kính 6,5 mm - chiều dài 140 mm. Ổng nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống.						Cái	1.500				
108	Que hàn Composite chống dính		Chất liệu: Thép cao cấp chống gỉ, dùng trong nha khoa.						Que	15				
109	Tăm bông bôi bond màu vàng		Chất liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm, Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng dùng trong nha						Cái	600				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			khoa											
110	Thám trâm		Chất liệu được làm bằng thép không gỉ, có một đầu cong, một đầu nghiêng nhọn và sắc dùng trong nha khoa.						Cái	90				
111	Trâm gai đỏ		Dùng lấy sạch sợi tủy răng trong quá trình chữa tủy, dài 21mm.						Cái	60				
112	Que hàn chống dính		Cây hàn chống dính mạ vàng lưới mỏng dẹt, chất liệu: Thép cao cấp không gỉ, chống bám dính.						Que	15				
113	Bộ đo độ đục chuẩn (Cho máy định danh vi khuẩn tự động)		Hộp 4 ống nồng độ 0 (trắng), 0.5, 2, 3 để kiểm tra hiệu quả đo của thiết bị						Hộp	2				
114	Giấy in nhiệt		Giấy in nhiệt 5.7 cm						cuộn	100				
115	Glyceryl		Glyceryl Can 30 lít						Can	4				
116	Viên khử khuẩn		Thành phần chính: Viên sủi khử khuẩn 5g; Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5-6.7); Thành phần chính có tác dụng khử khuẩn đạt tới 90%; Tiêu chuẩn chất lượng ISO.						Viên	7000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo giấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Tổng số: 116 Mặt hàng											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BV-VTTBYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Công ty:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Email:.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ
THIẾT BỊ Y TẾ BỔ SUNG LẦN 1 2025

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang chúng tôi Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

1. Báo giá Thiết bị y tế bổ sung lần 1 năm 2025

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
1	Bông ép sọ não 1,5x5cm		Bông ép sọ não 1,5cm x 5cm vô trùng. Bông hút nước (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn: Tốc độ hút nước ≤ 10s, Độ acid bazo: trung tính, Chất tan trong ether: ≤ 0,5%, Độ ẩm: ≤ 8%.						Cái	3.000				
2	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc		Thành phần: Paracetic 5%, Hydrogen Peroxide 25%, Acetix Acid 8%. Can 5 lít						Can	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
3	Gạc phẫu thuật meche 3,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng		Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. kích thước 3,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485						Cái/Mi ếng	1.500				
4	Sáp cầm máu xương 2.5g		Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng, Isopropyl Palmitate. Đạt tiêu chuẩn: ISO						Miếng	180				
5	Vật liệu cầm máu 5x7.5X1cm		Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, kích thước 5 x 7.5 x 1cm, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, Đạt tiêu chuẩn ISO						Miếng	120				
6	Kim luân tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh		Kim được thiết kế với cơ chế bao chụp đầu kim 2 cm bằng kim loại bọc nhựa. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. - Ống catheter có 4 vạch cản quang làm từ chất liệu PTFE. - Kim có công bơm thuốc bổ xung. - Khoang báo máu thiết kế trong suốt. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. - 26G; Ø (0,6 x 19) mm; Flow/ Rate 10ml/ min.						Cái	12000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
7	Kim nha khoa		Kim size 27G : đường kính ngoài ≤0,42mm, đường kính trong của kim: ≤0.22mm						Cái	1.000				
8	Kim cánh bướm		Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp). Xuất xứ: Việt Nam						Cái	100.000				
9	Kim chọc dò tủy sống các cỡ		Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống • Dễ chọc với đầu kim vát Quincke point. • Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống • Tiệt trùng bằng khí EO. TCCL: ISO						Cái	3.500				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			•Thông số kỹ thuật: 18Gx3.50IN - Ø1.2x90± 0.1mm 20Gx3.50IN - Ø0.9x90± 0.1mm 22Gx3.50IN - Ø0.7x90± 0.1mm 23GX3.50IN - Ø0.6X90± 0.1mm 25Gx3.50IN - Ø0.5x90± 0.1mm 27Gx3.50IN - Ø0.4x90± 0.1mm											
10	Ống thông màng nhĩ tạm thời đường kính 1,14mm		Đường kính 1.14mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh. Đạt tiêu chuẩn FDA. 1 chiếc 1 gói						Chiếc	30				
11	Ống thông màng nhĩ tạm thời đường kính 1,27mm		Đường kính 1.27mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh. Đạt tiêu chuẩn FDA. 1 chiếc 1 gói						Chiếc	30				
12	Ống thông màng nhĩ tạm thời hình chữ T		Đường kính 1.1mm, chất liệu firm silicone cứng, màu xanh. Đạt tiêu chuẩn FDA. 1 chiếc 1 gói						Chiếc	30				
13	Găng tay dài sản khoa		Dùng khám phụ khoa, sản khoa; đã tiệt trùng; Sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính. Chiều dài ≥450mm.						Đôi	150				
14	Túi đo lượng máu sau sinh		Quy cách: 1,050mm x 700mm, được chia thang đo thể tích từ 250ml - 2000ml; Tiệt trùng bằng khí EO; Đạt tiêu chuẩn Iso 13485						Cái/Chiếc	1.200				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
15	Bao cao su		Làm bằng latex tự nhiên. Độ nhớt: 200-350 CS. Đạt tiêu chuẩn Iso 13485						Cái	5000				
16	Dây lọc thận nhân tạo		Bộ dây lọc máu gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch dùng trong quá trình lọc máu • Dây mềm và chống xoắn vặn • Đường kính dây ngoài x Đường kính trong dây: 9.8x6.4 • Chỉ sử dụng một lần • Ống PVC không chứa DEHP, không Latex • Bao gồm loại trước bơm và sau bơm • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu						Bộ	1.000				
17	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng		Kim dẫn chữ V; Guidewire dẫn đường đầu chữ J; dao mổ và kim nong bằng nhựa; Catheter tĩnh mạch trung tâm có Polyhexanide kháng khuẩn, đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18; Đầu nối catheter có valve 2 chiều; dây điện cực để đo ECG.						Bộ	200				
18	Kim khâu phẫu thuật tròn + 3 cạnh các số		Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Công dụng: dùng để khâu vết thương.						Cái	3.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
19	Chi lạnh		Có các size và chiều dài như sau: Size:20-100; chiều dài: 160m-430m. Đạt tiêu chuẩn ISO						Cuộn	10				
20	Rọ lấy sỏi và dị vật		Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire. Kích thước: 3/4Fr. Số dây của rọ: 4. Chiều dài: 70/90/120cm. Xuất xứ các nước Châu Âu.						Cái	60				
21	Ngáng miệng		Ngáng miệng dùng một lần chất liệu bằng nhựa cứng loại lớn hoặc loại nhỏ. Với độ mở 38FR (loại nhỏ), 48FR (loại tiêu chuẩn, cỡ nhỏ), 60FR (loại lớn) và 72FR (loại Vasto). Loại 60FR và 72FR có vành bảo vệ răng cho bệnh nhân						Cái	20				
22	Mặt nạ xông khí dung		Sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Các cỡ: M, L, XL. Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu						Bộ	2000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			chuẩn EN ISO 13485.											
23	Điện cực (lưỡi dao) hình vòng		Là loại điện cực đơn cực dùng nhiều lần; Kích thước của điện cực là 24 CH; Dùng cho ống soi 30 độ; Điện cực gấp góc 30 độ.						Cái	40				
24	Tay dao siêu âm mô nội soi		Dao siêu âm mô nội soi, đường kính cán $\leq 5\text{mm}$, chiều dài cán $\geq 36\text{cm}$, tích hợp khả năng thích ứng mô; lưỡi dao được bao bởi lớp vỏ chống dính bằng hợp kim titanium, kết hợp với dây dao và máy phát chính đang sử dụng tại Bệnh viện; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, CFS, CFG, FDA						Cái	10				
25	Tay dao siêu âm mô mở cán dài $\geq 17\text{cm}$		Dao siêu âm với khả năng thích ứng mô, cán dài $\geq 17\text{cm}$, nút kích hoạt ≥ 240 độ cho phép đặt tay ở nhiều vị trí khi phẫu thuật, độ lan tỏa nhiệt sang hai bên $\leq 2\text{mm}$, hàn mạch máu lên đến 5mm, kết hợp với dây dao và máy phát chính đang sử dụng tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, CFS, CFG, FDA						Cái	15				
26	Tay dao siêu âm mô mở cán dài $\geq 9\text{cm}$		Dao siêu âm chiều dài cán $\geq 9\text{cm}$. nút kích hoạt ≥ 240 độ cho phép đặt tay ở nhiều vị trí khi phẫu thuật, kiểm soát nhiệt lan tỏa sang hai bên $\leq 2\text{mm}$, hàn mạch máu lên						Cái	15				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			đến 5mm, kết hợp với dây dao và máy phát chính đang sử dụng tại bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, CFS, CFG, FDA											
27	Dây dao siêu âm mổ mở		Dây dao siêu âm dùng cho mổ mở, Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, tần số 55.5kHz dùng cho đầu/ lưỡi dao siêu âm. Tương thích với tay dao có Biên độ dao động của lưỡi dao đạt đến $73 \pm 15 \mu\text{m}$ và tay dao có độ chắc của mối hàn gấp 2 lần áp lực tâm thu ($\geq 200\text{mmHg}$), máy phát siêu âm đang có ở viện. số lần sử dụng: 100 lần. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, CFS, CFG, FDA						Cái	1				
28	Dây dao siêu âm mổ nội soi		Dây dao siêu âm dùng cho mổ nội soi, Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, tần số 55.500 lần một giây (55,5 kHz). số lần sử dụng: 95 lần. Tương thích với tay dao có lưỡi dao được bao bởi lớp vỏ chống dính bằng hợp kim titanium, máy phát siêu âm hiện có ở viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, CFS, CFG, FDA						Cái	1				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
29	Que lấy mẫu dịch tỵ hầu		Que lấy mẫu tỵ hầu/hầu họng dùng để lấy mẫu thử nghiệm như khoang mũi, khoang miệng,... trong các xét nghiệm chẩn đoán sự hiện diện của virus; Chất liệu nhựa; Tổng chiều dài: 15 cm; Khắc bẻ: 8 cm; Đóng gói 100 que/túi						Que	5.000				
30	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản		Đường kính: Φ8 — Φ9.9, có 4-11 vòng						Cái/Bộ	100				
31	Pipet nhựa dùng 1 lần, tiệt trùng		Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài từ 140-160mm, dung tích lấy mẫu 1ml; 3ml. Tiệt trùng						Cái	10.000				
32	Ống nghe		Cấu hình của Ống nghe: - Là ống nghe hai đầu nghe tiêu chuẩn gồm có : 01 bộ phận mặt nghe làm bằng nhôm, được thiết kế hình tròn: gồm chuông và màng nghe, chuông nghe được thiết kế dạng hai chiều nghe (hai đầu nghe) - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC, màu xám. Tiêu chuẩn chất lượng : EN ISO 13485:2016						Cái	20				
33	Huyết áp cơ		Huyết áp kế đồng hồ (Máy đo huyết áp cơ) - Đồng hồ đo áp xuất hiển thị kim						Cái	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			tiêu chuẩn cho người lớn: 01 chiếc -Hệ thống bơm khí: 01 bộ - Bao đo bằng cotton dành cho người lớn kích thước 140x500mm: 01 chiếc - Bao hơi cao su kích thước 120x220mm: 01 chiếc - Túi đựng giả da: 01 chiếc ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Khoảng đo huyết áp: 20~300mmHg, với điểm giá trị bắt đầu từ 0 - Độ chính xác: ± 3 mmHg: 18 °C tới 33 °C; ±6 mmHg: 34 °C tới 46 °C - Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van bằng chất liệu cao su - Vòng bít làm bằng chất liệu vải - Hệ thống dây dẫn khí, bằng cao su - Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không).											
34	Túi đựng oxy		Chất liệu: được làm bằng nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế. Dung tích ≥ 42 lít						Cái	20				
35	Ambu bóp bóng Nhi		Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần Van giới hạn áp suất: 40cmH2O Thể tích hồi sức: 600ml						Bộ	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Thể tích túi chứa: 1600 ml Đầu nối bệnh nhân: $\phi 22 / 15\text{mm}$ Bao gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex											
36	Ambu bóp bóng sơ sinh		Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần Van giới hạn áp suất: 40cmH ₂ O Thể tích hồi sức: 280ml Thể tích túi chứa: 1600ml Đầu nối bệnh nhân: $\phi 22 / 15\text{mm}$ Bao gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex						Cái	5				
37	Ambu bóp bóng Người lớn		Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần Van giới hạn áp suất: 60cmH ₂ O Thể tích hồi sức: 1650ml Thể tích túi chứa: 2000ml Đầu nối bệnh nhân: $\phi 22 / 15\text{mm}$ Bao gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex						Cái	10				
38	Bơm Karman 2 van		Bơm dung tích 60cc, áp lực hút chân không 609,6 - 660,4mm thủy ngân, phù hợp với tất cả các cỡ ống hút mềm Karman cần khớp nối; ống cỡ 12mm không cần khớp nối. Có 2 khoá van. Tiêu chuẩn ISO 13485						Bộ	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
39	Cáp đo SPO2 tương thích monitor vismo của hãng NIHONKOHE N loại 14 chân		Đảm bảo khả năng tương thích với cảm biến gốc về độ chính xác và thông số kỹ thuật - Chất liệu không chứa latex tương thích sinh học - Tùy chọn cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh - Dây dài $\geq 3\text{m}$, đầu nối bệnh nhân có thể dạng kẹp ngón (người lớn trẻ em), băng quấn (sơ sinh)						Cái	5				
40	Bộ bao đo huyết áp kèm dây tương thích máy monitor vismo của hãng NIHONKOHE N		Không chứa latex; Kèm dây dẫn khí huyết áp dài khoảng 2,5m; Bao đo huyết áp loại 1 dây hoặc 2 dây						Cái	10				
41	Cáp đo SPO2 tương thích máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số của hãng life Scope loại 14 chân		Chất liệu không chứa latex tương thích sinh học; Tùy chọn cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh; Dây dài $\geq 3\text{m}$, đầu nối bệnh nhân có thể dạng kẹp ngón (người lớn trẻ em), băng quấn (sơ sinh)						Bộ	7				
42	Tấm điện cực trung tính không dây sử dụng 1 lần		Chất liệu Polyhesive Hydrogel. Độ dày Polyhesive Hydrogel yêu cầu trong khoảng 0.127cm ($\pm \leq 5\%$), bề mặt hoạt động 137cm^2 ($\pm \leq 5\%$). Dùng được trong tất cả các phẫu thuật có sử dụng dao mổ điện						Chiếc	500				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			đơn cực.											
43	Bản cực trung tính dùng cho dao mổ điện		Bề mặt phủ chất liệu gel hydrogel, bám dính cao. Kích thước: 112x179mm, dạng đứng Diện tích mặt lưng: 195 cm2 Diện tích lớp nhôm: 123 cm2 Diện tích dẫn điện: 144 cm2 Độ dày lớp Gel: 0.7 +/- 0.1 mm						Chiếc	2.000				
44	Đèn Clar		Đèn khám bệnh (đeo trán); Cấu hình cung cấp gồm: Bộ đèn chính: 01 Cái, Nguồn Pin: 01 Cái, Nguồn sạc: 01 Cái; Thông số: Cường độ sáng : ≥30,000 lux, Tuổi thọ đèn LED ≥50,000 giờ, Nhiệt độ màu: ≥6,000 kelvin, Nguồn Pin: ≥3,7 V, Hoạt động liên tục ≥4 giờ, Dung lượng Pin: ≥2200 mA						Cái	2				
45	Bóng đèn 20V, 180W dùng cho đèn mổ treo trần		Bóng đèn halogen, điện áp 20v, công suất 180w						Bóng	20				
46	Pin tiểu loại 1.5V		Pin tiểu loại 1.5V						Đôi	150				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
47	Pin Trung loại 1.5V		Pin Trung loại 1.5V						Đôi	600				
48	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 75 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO, ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 75 mm x 200m						Cuộn	12				
49	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 100 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO,ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 100mm x 200m						Cuộn	24				
50	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 150 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ						Cuộn	26				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO,ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 150mm x 200m											
51	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 200 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO,ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 200 mm x 200m						Cuộn	50				
52	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 250 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO,ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 250 mm x 200m						Cuộn	60				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
53	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 350 mm x 200m		Gồm 1 lớp giấy trắng chống dày 60g và lớp ex film PET/CPP dày 52µm. Phù hợp cho hai loại khử trùng bằng hơi nước 121°C - 134°C và khí EtO 29°C - 65°C. Chỉ thị chuyển màu từ xanh sang xám đen sau khi hấp thụ khử trùng hơi nước; và từ màu hồng sang màu vàng nâu sau khi hấp EO,ISO 13485; ISO 11607-1:2019; EN868-5:2018. Cỡ 350 mm x 200m						Cuộn	60				
54	Quả lọc nước rửa tay vô trùng		Màng lọc chất liệu Cellulose Acetate hai lớp (0.45 µm + 0.2 µm), giữ lại các loại vi khuẩn một cách tuyệt đối.						Quả	16				
55	Đề lưỡi gỗ sử dụng một lần		Được làm từ gỗ tự nhiên, mỗi que được đóng vào 1 túi . Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm						Cái	15.000				
56	Filter lọc khuẩn cho đường thở (Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp)		Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tĩnh điện chất lượng cao. Lọc vi khuẩn/ vi rút lên đến 99.99%, sử dụng để đo máy đo phế dung kế hoặc tương đương, đường kính trong :≥ 45.5mm; đường kính ngoài: ≥ 48mm, đường kính ống nối với với bệnh nhân: ≥ 29.5mm; Đạt tiêu chuẩn ISO						Cái	2.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
57	Nắp đóng bộ chuyên tiếp		Sản phẩm bằng nhựa có chứa Povidon - Iod. Thiết bị là nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyên tiếp						Cái	1.200				
58	Clip cầm máu chất liệu Polymer các cỡ		Chất liệu: Polymer. Có khóa. Đóng nhanh, hiệu quả, an toàn. Kiểu khớp động. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô. Kẹp được mạch máu cỡ 5 mm đến 13 mm. Chiều dài chân clip ngoài: 13.0 mm. Độ dày chân clip: 1.29 mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1.2 mm, khi mở: 10.2 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE						Cái	600				
59	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml		Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 25Gx1". Đốc xy lanh có thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock). Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.						Cái	4.000				
60	Dây nối bơm tiêm điện		Dây làm bằng PVC y tế không chứa DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn (có test chứng nhận). - Chiều dài dây 140 cm. Đường kính trong 0.9 mm, đường kính ngoài 1.9 mm. - Đầu nối vận xoắn chống rò rỉ, Luer khóa đực dạng cố định, nhựa nguyên sinh cấp độ y tế						Cái	5.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS). - Ống dây: Nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Polyvinyl Chloride (PVC). - Áp suất 12 bar. - Ống dây chịu được một lực kéo ≥ 15 N trong 15 giây. - Truyền được chất cản quang. - Thể tích mỗi dịch 0,9 ml. - Tồn dư EO: ≤ 4 mg/ sản phẩm. Tồn dư ECH: ≤ 9 mg/ sản phẩm. - Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015, GMP FDA.											
61	Băng cuộn 10cm x 5 m		Gạc màu trắng, không ố vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Kích thước: Chiều dài: 5 m, Chiều rộng: 10 cm						Cuộn	5.000				
62	Bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang 1 nòng		Bộ xilanh cho máy bơm cản quang 1 nòng gồm: 01 xilanh 200ml chất liệu: PP, 01 dây truyền chữ Y (có van 1 chiều) dài 150cm chất liệu: PVC, 02 kim lấy thuốc chất liệu ABS. Chất liệu không chứa DEHP. Phương pháp tiệt trùng EO (Ethylene Oxidase). Áp suất tối đa 350psi						Cái	200				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
63	Stent niệu quản		Chất liệu làm bằng Polyurethane, màu xanh. Thời gian đặt lên tới 30 ngày. Hai đầu xoắn hình, có lỗ dẫn dịch. Một bộ gồm xông JJ, que đẩy, chỉ rút xông và kẹp Clamp. Kích thước: 4,7/5/6/7/8Fr. Chiều dài: 16/24/26/28/30cm						Cái	150				
64	Bơm kim tiêm tiểu đường 100UI/ml		Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx8mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001:2015 - Xuất xứ: Việt Nam						Cái	20.000				
65	Băng dính 2,5cm x 9,1m		Vải lụa trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, lực dính 5,5 N/cm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Cuộn 2,5cm x 9,1m						Cuộn	5.000				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
66	Ổng bơm tiêm		Bộ xilanh cho máy bơm cân quang 2 nòng gồm: 02 xilanh 200ml chất liệu:PET, 01 dây truyền chữ Y (có van 1 chiều) dài 150cm chất liệu: PVC, 02 kim lấy thuốc chất liệu ABS. Chất liệu không chứa DEHP. Phương pháp tiệt trùng EO (Ethylene Oxidase). Áp xuất tối đa 350psi						Bộ	200				
67	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ		Được dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn; Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi; Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch; Chất liệu được làm bằng Polyurethane; Đường kính vòng ngoài: 5F; Chiều dài sử dụng: ≥200mm; Đặc tính và chiều dài của dây dẫn: Đường kính 0,53 mm/chiều dài 600mm; Chiều dài của kim dẫn: + Kim 18G, chiều dài 80 mm, + Kim 20G, chiều dài 55 mm; Que nong mạch: Đường kính ngoài 1,8 mm.						Bộ	20				
68	Cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt		Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy; Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter; Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt dễ dàng kiểm tra; Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI),						Bộ	1				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Polyvinylchlorid (PVC), ABS; Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s); Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài ≥150cm; Tiệt trùng bằng Ethylene oxide.											
69	Dây đo áp lực nội sọ tại nhu mô não có chốt cố định trên hộp sọ		Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến (sensor) ở đầu, đường kính 0,7mm; Chốt có vít vặn chặt; Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu của chốt; Mũi khoan đường kính 2,7mm có thể điều chỉnh độ sâu; Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan; Que thông (dùi chọc màng cứng).						Bộ	5				
70	dây đo áp lực và nhiệt độ nội sọ tại nhu mô não có chốt cố định trên hộp sọ		Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến ở đầu, đường kính 0,7 mm; Chốt có vít chặt; Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu; Mũi khoan đường kính 2,7 mm, có thể điều chỉnh độ sâu; Que điều chỉnh độ sâu cho mũi khoan; Dùi chọc thủng màng cứng						Bộ	5				
71	dây đo áp lực nội sọ trong não thất bằng phương pháp tạo đường dẫn		Catheter có gắn cảm biến (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu; Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5mm có thể điều chỉnh độ sâu; Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan; Trocar có ống tạo đường						Bộ	5				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			hâm; Vòng nhựa cố định; Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài.											
72	Dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ nội sọ tại não thất kèm dẫn lưu dịch não tủy		Catheter có gắn cảm biến, nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài, có vạch chia centimet để xác định độ sâu; Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5 mm, có thể điều chỉnh độ sâu; Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan; Trocar có ống tạo đường hâm; Vòng cố định; Khóa dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài						Bộ	5				
73	Túi đựng dịch não tủy		Túi đựng dịch não tủy 650ml sử dụng một lần có vạch chia độ cùng với nắp bảo vệ và lọc chống nước; Tấm hỗ trợ, vạch chia độ mmH2O và mmHg để điều chỉnh ICP; Bình nhỏ giọt chứa dịch có vạch chia 100ml ($\pm 2\%$) cùng với lỗ thông khí chống nước; 3 công 3 đầu stopcock cùng với đầu khóa Luer-Lock, công dành riêng cho tiêm, lấy mẫu hoặc đo ICP; Ống truyền dịch não tủy, dài 165cm, xác định bằng ống văn màu xanh cùng với đầu khóa Luer-Lock, van chống tràn ngược và kẹp						Bộ	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
74	Vi ống thông can thiệp mạch não đầu có thể tách rời		Vi ống thông được thiết kế đầu gần được cuộn bằng một sợi thép không gỉ tránh gập, đầu xa có lớp nitinol nhằm ra lực cho vi ống thông. Ống thông là loại ống có đầu tự đứt. Phù hợp với dây dẫn 0.008" và 0.010". Đường kính trong 0.013", đường kính ngoài đầu xa 1.5 Fr, đường kính đầu gần 2.7Fr, tổng chiều dài 165 cm , chiều dài Tip 1.5 cm, 3 cm.						Cái	5				
75	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh định hướng bằng dòng chảy		Ống thông định hướng bằng dòng chảy, được thiết kế đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp nitinol nhằm ra lực cho vi ống thông khi dẫn truyền chất tắc mạch. Ống thông có đường kính trong đầu xa là 0.013 in, đường kính ngoài là 2.7Fr và 1.5Fr, chiều dài 165cm.						Cái	5				
76	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh gập		Ống thông được làm bằng chất liệu nitinol, đường kính ngoài gần- xa là 2.1Fr-1.7Fr và 2.4Fr-1.9Fr, đường kính trong 0.017" và chiều dài là 150 cm , tương thích với DMSO, bề mặt trắng trơn nhẵn, thân cứng nhờ các vòng lò xo bằng thép không gỉ, đầu ngoài vi mềm và uốn cong sẵn hai góc 45 độ và 90 độ. Dùng để can thiệp nút phòng động						Cái	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			mạch não bằng coils, dễ di chuyển trong lòng mạch, độ cứng ổn định trong quá trình can thiệp, giữ hình dạng tốt sau khi uốn, hai điểm đánh dấu ở đầu dễ nhìn thuận lợi và an toàn cho thao tác đẩy coils vào túi phòng, đầu cong uốn sẵn thích hợp với các góc giữa thân động mạch và thân túi phòng. Đạt tiêu chuẩn: FDA											
77	Vòng xoắn nút mạch não		Vòng xoắn nút mạch não được làm bằng chất liệu Platium, đường kính sợi cơ bản là 0.0013". Đường kính của Coil 1 mm đến 25 mm có các kích cỡ coil nhỏ và half size như: 1-1, 1-2, 1-3, 1-4, 1.5-1, 1.5-2, 1.5-3, 1.5-4, 2.5-3, 2.5-4, 2.5-6, 2.5-8, 3.5-6, 3.5-8, 3.5-10.... Coil được cắt bằng cơ học, không phụ thuộc vào nguồn điện.						Cái	40				
78	Cuộn nút mạch não		Có các loại 3D và Helix được làm từ chất liệu platium, đường kính sợi coil tăng dần từ 0.0115” đến 0.0145”, chiều dài cuộn coil từ 1- 50 cm .Coil có các kích cỡ half size như là: 1.5-1, 1.5-2, 1.5-3, 1.5-4, 2.5-2, 2.5-6, 2.5-8..... Được thiết kế làm giảm sự tái thông và điều trị lại túi phình so với các dòng coil khác. Coil được cắt bằng cơ học, không phụ thuộc						Cái	40				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			vào nguồn điện											
79	Giá đỡ mạch máu não		Được đan như mắt lưới, 48 sợi đan vào nhau tạo thành khung cơ bản. Thiết kế bằng hợp kim tự bung trong đó có 25% platinum - Tungsten và 75% cobalt chromium, có bề mặt bao phủ kim loại 30-35%, đường kính 2.5 đến 5 mm với bước nhảy 0.25mm, dài 10, 12, 14, 16, 18, 20, 25, 30, 35 mm . Hệ thống dẫn đường là một sợi kim loại dài 200 cm bằng thép không gỉ với các vết cắt laze dọc thân 91 cm . Dùng điều trị phình mạch lớn, cổ rộng, các loại túi phình hình thoi bằng cách tái tạo động mạch chủ và khôi phục trạng thái ban đầu của mạch một cách độc lập.						Cái	3				
80	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch não		Ống thông có 2 đường kính 5F với đường kính trong 0.058" và 6F với đường kính trong 0.072", lớp polime kết dính để liên kết với các lớp, sợi đẹp nitinol chạy vòng quanh ống để giúp duy trì hình dạng lòng ống thông, đầu gần chắc chắn, đầu xa linh động. Lớp trong cùng là PTFE để dễ dàng đưa vi ống						Cái	5				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			thông và các dụng cụ can thiệp. Marker đầu xa được tạo thành bởi sợi Platinum cuộn tròn quanh đầu ống. Ống thông có đường kính ngoài là 0.070", 0.084 ", chiều dài làm việc là 95 cm, 105 cm, 115 cm, 125 cm, 130 cm, dây dẫn 0.035/0.038 in, chiều dài xa 8 cm											
81	Ống thông can thiệp mạch não dùng thả stent đảo hướng dòng chảy		Ống thông có 3 đường kính; Đường kính trong: 0.017 " (0.43 mm), 0.027" (0.69mm), 0.0445" (1.13 mm) đường kính ngoài đầu gần: 0.029 " (2.2F); 0.040" (3.1F); 0.061" (4.7 F); Đường kính ngoài đầu xa: 0.024" (1.8F), 0.036 " (2.8F) 0.055" (4.2F) Các hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu gập chữ J, gập 45, gập 90.						Cái	5				
82	Chất tắc mạch dạng lỏng		Chất tắc mạch vĩnh viễn, nó bao gồm EVOH, DMSO và Tantalum. EVOH với thành phần 48 mol/l Ethylene và 52 mol/l Vinyl alcohol hòa tan trong dung môi DMSO với 2 tỷ lệ khác nhau (6% EVOH) và (8% EVOH). Onyx 18 được dùng cho các ổ dị dạng phức tạp, Onyx 34 dùng cho các ổ dị dạng có lưu lượng lớn. 01 bộ bao gồm: - 01 lọ đựng chất tắc mạch thể tích 1,5 ml						Lọ	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- 01 lọ đựng DMSO thể tích 1.5 ml - 3 bơm thể tích 1ml: 02 cái màu trắng dùng cho Onyx, 01 cái màu vàng dùng cho DMSO											
83	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh đường kính 0,008”		Chất liệu thép không gỉ, đường kính 0,008”, dài 200 cm. Dùng với ống thông và catheter tắc mạch dạng lỏng để làm các can thiệp.						Cái	5				
84	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh đường kính 0.014”		Dây dẫn ái nước, chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014”, dài 205 cm, đầu mềm xoắn lò xo platinum dài 5cm. Dùng để làm can thiệp thần kinh. Đạt tiêu chuẩn: FDA						Cái	30				
85	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não		Đầu xa thiết kế cực kỳ mềm cho phép ống hút huyết khối di chuyển được xa hơn. Đường kính trong 0.070", đường kính ngoài đầu gần 0.0825". Chiều dài làm việc ≥125cm (chiều dài đầu xa ≥19cm, chiều dài đầu gần ≥106cm) hoặc ≥131cm (chiều dài đầu xa ≥19cm và chiều dài đầu gần ≥112cm), đầu thẳng. Thiết kế dây bên và cuộn giúp tăng cường độ ổn định hỗ trợ điều hướng từ xa của các thiết bị can thiệp.						Cái	15				
86	Ống thông dẫn đường nòng kép can thiệp		Lớp PTFE mỏng và bên dây phẳng giúp tăng đường kính lumen. Ống thông dẫn đường kép 2 nòng chât						Cái	15				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	mạch não		liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài ≥ 95 cm trong đó đầu xa dài ≥ 7 cm, ống thông nòng trong dài ≥ 117 cm, chiều dài đầu xa ≥ 7 cm, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic là ≥ 15 cm.											
87	Vật liệu nút mạch Embozene Microspheres		Hạt vi cầu hydrogel, phủ perfluorinated polymer, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 μm – 1.300 μm , được mã hóa màu theo kích thước. Đóng gói 2ml						Lọ	30				
88	Vật liệu nút mạch Embozene Tandem Microspheres điều trị ung thư gan, 2ml		Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 100mg/2 ml hạt. - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40,75,100 μm . - Đóng gói: ống 2ml.						Lọ	30				
89	Bóng nong mạc não loại 2 nong		Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nong, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017". Đường kính ngoài đầu xa-gắn là						cái	15				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. Áp lực danh nghĩa 6atm, áp lực tối đa 14 atm.											
90	Khung giá đỡ (stent) chuyển hướng dòng chảy cho can thiệp điều trị phình mạch não		Dùng trong can thiệp điều trị phình mạch não, chất liệu nitinol hỗn hợp, lõi Platinum. Đường kính 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, chiều dài 10, 15, 20, 25, 30, 40, 50mm. Stent tương thích với mạch máu đường kính dao động từ nhỏ hơn đường kính stent 1mm đến bằng đường kính stent. Tương thích với vi ống thông có đường kính trong 0.017", 0.027" và 0.039"						cái	2				
91	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ		Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ, chất liệu nitinol, đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm. Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent						cái	15				
92	Vòng xoắn kim loại (Coil) nút mạch não tạo		Coil kim loại nút phình mạch não chất liệu platinum, dùng để tạo khung, làm đầy. Đường kính sợi						cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	khung và làm đầy túi phình các cỡ		coil: 0.010", 0.012", 0.014", 0.017". Đường kính vòng coil sau khi thả có nhiều kích cỡ khác nhau từ 1mm đến 24mm, trong đó có các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 mm. Chiều dài cuộn coil từ 1cm đến 50cm. Cắt nhanh bằng điện. Có điểm đánh dấu chẩn xạ để quan sát dưới tia X.											
93	Vi ống thông can thiệp mạch não có lớp phủ ưa nước hai lớp		Vi ống thông có lớp phủ ưa nước hai lớp bên ngoài, có lớp phủ PTFE bên trong lòng ống. Đường kính trong 0.0165", 0.021": Chiều dài từ 155cm đến 167cm; Đường kính trong 0.027": Chiều dài 155cm; Đường kính trong 0.039": Chiều dài từ 125cm đến 145cm. Đầu ống thẳng, số marker ở đầu tip là 1 với ống 0.027", 0.039" và 2 với ống 0.0165", 0.021"						cái	3				
94	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan		Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Thành phần là các hạt Hydrogel được tạo từ cồn Polyvinyl có khả năng tương thích sinh học, tan trong nước, không bị cơ thể hấp thu và được hiệu chuẩn chính xác. - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất, có 3 loại kích thước hạt từ 70-150µm; 100-300µm; 300-500µm. - Mỗi lọ chứa 2ml hạt trong dung						lọ	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			dịch đậm nước muối sinh lý. - Hạt sau khi tải doxorubicin, Irrinotecan bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được tới 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cân quang - Khả năng ngậm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt. - Khả năng ngậm thuốc Irrinotecan lên đến 50mg/ml hạt. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE											
95	Vi ống thông can thiệp mạch, cỡ 1.7F, 1.8F, 1.9F, 2.2F, 2.7F không kèm vi dây dẫn		Lớp bên bằng Tungsten. Lớp trong lòng được phủ PTFE, lớp ngoài ái nước phủ Hydrophilic. - Đường kính ngoài đầu gần - đầu xa: 2.8F - 1.7F; 2.8F - 1.9F; 2.7F - 1.8F ; 2.9F - 2.2F; 2.9F - 2.7F - Chiều dài: 70; 105; 110; 125; 135; 150 (cm) - Độ phủ Hydrophilic: 60 cm; 80 cm; 110 cm - Hình dạng đầu tip: thẳng, cong, 45 độ, W - Có 1 marker ở đầu tip - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.						Cái	40				
96	Dây dẫn can thiệp mạch máu siêu nhỏ, lớp phủ hydrophilic,		Đường kính 0.010 inch, 0.014 inch; Lớp phủ Hydrophilic dài 170 cm; Lớp phủ polymer dài 150 cm; Độ hiển thị đầu tip dài: 3,5 cm; Đầu tip loại thẳng, Round curve,						Cái	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	hydrophilic trên nền polymer 0.010" - 0.014"		Angled 90; Chiều dài tối thiểu ≤ 200cm tối đa ≥300cm. ISO, FDA, CFS.											
97	Dây dẫn can thiệp mạch máu não siêu nhỏ, lớp phủ hydrophilic, hydrophilic trên nền pplymer 0.008", 0.018"		Lớp phủ Hydrophilic tối thiểu ≤ 170 tối đa ≥ 180 cm; Lớp phủ Polymer dài ≤ 150cm; Đường kính 0.008", 0.018"; Độ hiển thị đầu tip dài: 5, 9 cm; Đầu tip dạng Round Curve, Straight; Chiều dài tối thiểu ≤ 200cm. ISO, FDA, CFS.						Cái	10				
98	Vi dây dẫn đường dùng cho can thiệp mạch máu, loại 0.016"		Lớp phủ Hydrophilic trên nền Polymer dài 130, 160, 175cm; Chiều dài tối thiểu ≤ 135cm tối đa ≥ 180cm; Đường kính: 0,016 inch; Đầu chấn bức xạ dài 5cm; Đầu tip dạng: Angled 45, Angled double, Round Curve; ISO, CE, CFS.						Cái	10				
99	Vi ống thông can thiệp loại 1.98Fr có khung đầu uốn sẵn		Đường kính đầu tip nhỏ 1.9Fr và tiết diện nhỏ tăng cường khả năng xâm nhập đoạn xa; Phủ lớp ái nước hydrophilic; Đường kính trong 0.022, 0.027 inch; Đường kính đoạn xa 1.98, 2.6 Fr; Đường kính đoạn gần 2.8 Fr; Chiều dài: 112cm,132cm,157cm; Đầu tip dạng thẳng, cong; Chịu được áp lực 1000 PSI; ISO, CFS.						Cái	15				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
100	Ổng thông dẫn đường dùng trong can thiệp		Kích cỡ 6F. Được phủ hydrophilic. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm, 95cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070". Có loại đầu đa dụng MP và đầu thẳng .						Cái	30				
101	Ổng hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ		Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. Đường kính trong lớn nhất. đầu xa có các kích thước: 0.062"; 0.068"; 0.072". Chiều dài ≥ 132 cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA.						Cái	15				
102	Kim sinh thiết nguyên lõi kèm kim đồng trục		Kim sinh thiết nguyên lõi dùng thu thập nhiều mẫu lõi từ mô mềm như gan, thận, các mô ở bụng để chẩn đoán lâm sàng. - Công nghệ thu thập mẫu nguyên lõi giúp giảm thiểu hư mẫu và tổn thương mô. - Đường kính: 16G, 18G. - Chiều dài kim: 10cm, 15cm, 20cm. - Độ dài lấy mẫu có thể điều chỉnh: 13mm, 23mm, 33mm - Kim đồng trục đi kèm có kích thước: 14G, 17G; chiều dài 6.8cm,						Cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086/the o giấy phép lưu hành	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086/g iấy phép lưu hành	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			11.8cm, 16.8cm. - Tiêu chuẩn: ISO, FDA.											
103	Keo dán da		Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống thủy tinh chứa 0,5ml dung dịch keo được bọc ngoài bằng nhựa dẻo giúp dễ dàng thao tác. Dung dịch màu tím giúp dễ xác định độ dày lớp keo. Lực giữ vết thương khi kết hợp keo dán da và chỉ phẫu thuật poliglecaprone 25 số 4/0 ≥320mmHg. Có khả năng ngăn ngừa vi khuẩn ≥ 99% trong vòng 72 giờ. Hộp 12 ống. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ Mỹ						Ống	50				
			Tổng số: 103 Mặt hàng											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số

/BV-VTTBYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Công ty:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

THIẾT BỊ Y TẾ CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH BỔ SUNG LẦN 1 NĂM 2025

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang chúng tôi Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

1. Báo giá Thiết bị y tế chấn thương chỉnh hình bổ sung lần 1 năm 2025

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Phần Nẹp khóa mắt xích Chất liệu titanium													
1	Nẹp khóa mắt xích. Chất liệu titanium		Chất liệu Titanium. Số lỗ gồm tối thiểu các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 16, 18 lỗ tương ứng với chiều dài 46, 58, 70, 82, 94, 106, 118, 130, 142, 166, 190, 214 mm. Độ dày nẹp 2.8 mm, độ rộng 10						Cái	12				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20											
2	Vít khóa đường kính 3.5 mm		Chất liệu Titanium, tự taro. đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng 2mm; Chiều dài từ 45-80mm bước tăng 5mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	482				
3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm		Chất liệu Titanium, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng 2 mm; Chiều dài từ 40 - 90mm bước tăng 5 mm.Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	24				
	Phản Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, Chất liệu titanium													
4	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ		Chất liệu Titanium. Số lỗ gồm tối thiểu các loại 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14 lỗ tương ứng chiều dài 97, 115, 133, 151, 169, 187, 223, 259 mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Độ dày nẹp 4 mm, độ rộng nẹp 13.5 mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất						Cái	5				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			xứ G20											
5	Vít khóa đường kính 5.0mm		Chất liệu Titanium. Đường kính 5.0mm, đầu vít tự khoan, tự tạo ren, chiều dài từ 10 - 90mm. Với chiều dài từ 10 - 50 mm bước tăng 2 mm, từ 50 - 90 bước tăng 5 mm.Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	850				
6	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro		Chất liệu titanium, thân toàn ren, đầu vít tự tạo ren. Đường kính 4.5mm. Chiều dài từ 18 - 100mm. Chiều dài từ 18-70mm bước tăng 2 mm, từ 70-100 mm bước tăng 5 mm.Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	10				
	Phần Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ													
7	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ		Chất liệu Titanium. Số lỗ 3-5 lỗ trên thân, chiều dài gồm từ 52 - 74 mm, 3 lỗ trên đầu. Độ dày nẹp 1.6 mm, độ rộng khoảng 10 mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG,						Cái	5				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Xuất xứ G20											
8	Vít khóa đường kính 3.5 mm		Chất liệu Titanium, tự taro. đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng 2mm; Chiều dài từ 45-80mm bước tăng 5mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	482				
9	Vít xương cứng đường kính 3.5mm		Chất liệu Titanium, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm. Chiều dài từ 8 - 40mm bước tăng 2 mm; Chiều dài từ 40 - 90mm bước tăng 5 mm.Tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng chỉ lưu hành tự do của mỹ CFG, Xuất xứ G20						Cái	10				
	Phần nẹp khóa titanium bản ngón chữ L													
10	Nẹp khóa titanium bản ngón chữ L		Nẹp chữ L , dày 1.3mm, rộng 9.6mm , dài 28.6mm; 30.9mm - Đồng bộ với vít khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	5				
11	Vít khóa titanium 2.0mm		Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - mũ vít hình ngôi sao 6 cạnh - Chiều dài từ						Cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			8,10,12,14,16,18,20,22,24,26,28,30,32,34mm - Đồng bộ với vít nẹp khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.											
	Phần nẹp khóa titanium bàn ngón chữ T													
12	Nẹp khóa titanium bàn ngón chữ T		Nẹp chữ T , dày 1.3mm, rộng 12.6mm; 10.6mm , dài 22.6mm; 26.6mm - Đồng bộ với vít khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	5				
13	Vít khóa titanium 2.0mm		Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - mũ vít hình ngôi sao 6 cạnh - Chiều dài từ 8,10,12,14,16,18,20,22,24,26,28,30,32,34mm - Đồng bộ với nẹp khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Phần nẹp khóa titanium bàn ngón chữ Y													
14	Nẹp khóa titanium bàn ngón chữ Y		Nẹp chữ Y , dày 1.3mm, rộng 12.2mm , dài 28.6mm - Đồng bộ với vít khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	5				
15	Vít khóa titanium 2.0mm		Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - mũ vít hình ngôi sao 6 cạnh - Chiều dài từ 8,10,12,14,16,18,20,22,24,26,28,3 0,32,34mm - Đồng bộ với nẹp khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	30				
	Phần Nẹp khóa titanium bàn ngón thẳng													
16	Nẹp khóa titanium bàn ngón thẳng		Nẹp thẳng , dày 1.3mm, rộng 4.6mm , dài 24.6mm; 26.6mm - Đồng bộ với vít khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu						Cái	8				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.											
17	Vít khóa titanium 2.0mm		Vít khóa tự taro đường kính 2.0mm - Mũ vít hình ngôi sao 6 cạnh - Chiều dài từ 8,10,12,14,16,18,20,22,24,26,28,3 0,32,34mm - Đồng bộ với nẹp khóa - Đạt chất lượng ISO13485; CE - Chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	32				
	Phân Nẹp khóa titanium bản nhỏ													
18	Nẹp khóa titanium bản nhỏ		Rộng 10mm; dày 3mm; - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14 dài 56, 69, 82, 95, 108, 121, 134, 147, 160, 186mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất						Cái	16				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			xứ: Châu Âu.											
19	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	130				
20	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
21	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục lăng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01%						Cái	50				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.											
	Phần Nẹp khóa titanium mắt xích													
22	Nẹp khóa titanium mắt xích		Rộng 10mm; dày 3mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 16, 18 dài 52, 64, 76, 88, 100, 112, 124, 136, 148, 172, 196, 220mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xỏp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	12				
23	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ:						Cái	100				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Châu Âu.											
24	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	25				
25	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	25				
	Phần Nẹp khóa titanium mặt trước trên xương đòn													
26	Nẹp khóa titanium mặt trước trên		Rộng 105mm; dày 3.2mm. - Số lỗ: 6, 7, 8, 9, 10 dài 88,5, 101, 113,5, 126, 136,5mm						Cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	xương đòn		- Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm + Vít xóp Ø 4.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.											
27	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		- Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	240				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
28	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
29	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục lăng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay chữ T													
30	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay chữ T		Rộng 9mm; dày 2.5mm. - Số lỗ: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 dài 70, 82,5, 95, 107,5, 120, 132,5, 145, 159,5mm - Chất liệu hợp kim Titan,						Cái	8				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 2.4 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.											
31	Vít khóa Titanium đường kính 2.4 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 2.4mm; dài từ 10mm đến 50mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	64				
32	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	40				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
33	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	40				
34	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục lăng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	40				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu trên xương cánh tay loại ngắn													
35	Nẹp khóa titanium đầu trên xương cánh tay loại ngắn		Rộng 11.8mm; dày 3.2mm. - Số lỗ: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14; Dài 100, 116, 132, 148, 164, 180, 196, 212, 228, 244, 276mm						Cái	4				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.											
36	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	40				
37	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
38	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu trên xương cánh tay loại dài													
39	Nẹp khóa titanium đầu trên xương cánh tay loại dài		Rộng 11.8mm; dày 3.2mm. - Số lỗ: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14; Dài 100, 116, 132, 148, 164, 180, 196, 212, 228, 244, 276mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	4				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
40	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	40				
41	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				
42	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Phần Nẹp khóa titanium mỗm khủyu													
43	Nẹp khóa titanium mỗm khủyu		Rộng 11mm; dày 2.5mm - Số lỗ: 2, 4, 6, 8 dài 82.5, 111.5, 140, 169mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 2.7 mm + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xỏp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	2				
44	Vít khóa Titanium đường kính 2.7 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 2.7mm; dài từ 10mm đến 60mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				
45	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm						Cái	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.											
46	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				
47	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Phản Nẹp khóa titanium đầu trên xương đùi													
48	Nẹp khóa titanium đầu trên xương đùi		Rộng 17.3mm; dày 5.4mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15 dài 120mm, 138, 156, 174, 192, 210, 228, 246, 264, 282, 318mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 5.0 mm + vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				
49	Vít khóa Titanium đường kính 5.0mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	100				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
50	Vít khóa xóp Titanium đường kính 5.0 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 30mm đến 120mm - Ren roàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
51	Vít cứng titan đường kính 4.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 4.5mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi													
52	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi		Rộng 16.2mm; dày 5.5mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15; Dài 141, 161, 181, 201, 221, 241, 261, 281, 301, 321, 361mm - Chất liệu hợp kim Titan,						Cái	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.											
53	Vít khóa Titanium đường kính 5.0mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	100				
54	Vít khóa xóp Titanium đường kính 5.0 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 30mm đến 120mm - Ren roàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
55	Vít cứng titan đường kính 4.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 4.5mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu trên trong xương chày													
56	Nẹp khóa titanium đầu trên trong xương chày		Rộng 16mm; dày 3mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10; Dài 88, 104, 120, 136, 152, 168, 184mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	15				
57	Vít khóa Titanium đường kính 5.0mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm						Cái	120				

[illegible]

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
60	Nẹp khóa titanium đầu trên ngoài xương chày		Rộng 15.5mm; dày 4.5mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 dài 125, 145, 165, 185, 205, 225, 245, 265, 285, 305mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	15				
61	Vít khóa Titanium đường kính 5.0mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	150				
62	Vít khóa xóp Titanium đường kính 5.0 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 30mm đến 120mm - Ren roàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO						Cái	50				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.											
63	Vít cứng titan đường kính 4.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 4.5mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	50				
	Phần Nẹp khóa titanium đầu dưới trong xương chày													
64	Nẹp khóa titanium đầu dưới trong xương chày		Rộng 11.5mm; dày 3.7mm. - Số lỗ: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 16; Dài 140,5, 153,5, 166,5, 179,5, 192,5, 205,5, 218,5, 244,5, 270,5mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm						Cái	8				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			+ Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.											
65	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	80				
66	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	30				
67	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO						Cái	30				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.											
	Phần Nẹp khóa titanium đầu dưới ngoài xương chày													
68	Nẹp khóa titanium đầu dưới ngoài xương chày		Rộng 16mm; dày 3mm. - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13; Dài 104, 122, 140, 158, 176, 194, 212, 230, 266mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 5.0 mm + vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xóp Ø 5.0 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	12				
69	Vít khóa Titanium đường kính 5.0mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ:						Cái	100				

[illegible]

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
72	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương mác		Rộng 10.5mm; dày 3mm - Số lỗ: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14; Dài 92, 104, 116, 128, 140, 152, 164, 176, 188, 212mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	2				
73	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				
74	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO						Cái	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.											
75	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				
	Phần Nẹp khóa titanium xương gót chân													
76	Nẹp khóa titanium xương gót chân		Dày 2mm; dài 57, 67mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xóp Ø 3.5 mm. Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	2				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
77	Vít khóa Titanium đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	20				
78	Vít khóa xóp Titanium đường kính 3.5 mm các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 14mm đến 70mm - Ren toàn phần - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				
79	Vít cứng titan đường kính 3.5mm, các cỡ		Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe). Xuất xứ: Châu Âu.						Cái	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
	Phần Nẹp tròn đóng nắp sọ													
80	Nẹp tròn đóng nắp sọ		Nẹp xương sọ Burr hole có dạng hình tròn màu xanh; Đường kính nẹp: 11.5mm, 15mm, 18 mm; Vật liệu: titanium, sử dụng vít 1.6mm. Chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Xuất xứ G7						Cái	16				
81	Vít xương sọ tự khoan Ø1.6		Chất liệu titanum - Đường kính vít: 1.6 mm, đường kính mũ vít 2.55mm, đường kính lõi vít 1.4mm. Chiều dài vít: 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0 mm. Đầu vít hình chữ thập, vít tự khoan, tự taro. Đường rãnh trên thân vít chế tạo đảm bảo không bị nhòn, lỏng khi bắt, không toe đầu vít. Chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Xuất xứ G7						Cái	80				
82	Phần Khớp háng toàn phần không xi măng phủ TPS (CoCr on PE)		1. Chuôi khớp (Stem) - Chất liệu hợp kim Titan TiAl6V4 - tiêu chuẩn DIN EN ISO 5832-3, phủ TPS (Titan Plasma Spray) tăng kết cấu trên bề mặt kim loại - Góc cổ thân 135 độ (standard) - Đầu chuôi dạng Taper 12/ 14						Bộ	10				

[illegible]

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- Chất liệu vật liệu cao phân tử Ultra high polyetylen (UHMWPE) - tiêu chuẩn DIN EN ISO 5834-2; có gờ chống trượt 20 độ - Đường kính trong: 22, 26, 28, 32, 36 mm; - Kích cỡ (size): 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE											
83	Phần Khớp háng toàn phần các loại, các cỡ		1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V hoặc tương đương. - Cổ chuôi dính liền thân chuôi, với góc cổ chuôi 135° - Kích cỡ chuôi khoảng từ 8-18 (tương ứng với chiều rộng đầu xa thân chuôi 8-18mm), bước tăng 1mm - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám, dày 0.35mm. - Thân trên có cánh chống xoay và gờ nổi dọc hai bên thân trên hỗ trợ cố định. 2. Chôm khớp háng: - Chất liệu: sứ Biolox delta (aluminium oxide matrix ceramic) - Kích cỡ: cỡ côn 12/14. Đường						Bộ	20				

[illegible]

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			- Kích cỡ: Gồm tối thiểu các cỡ từ 40mm - 70mm. Có tối thiểu 3 lỗ bắt vít. Dùng được cho cả lớp lót polyethylene và ceramic. 5. Vít ổ cối : - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V hoặc tương đương. - Thiết kế: tự taro, xoay quanh trục +/- 9° - Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm, bước tăng 4mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.											
84	Phần Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ titanium plasma		Chuôi khớp không xi phủ titanium plasma (TPS) các cỡ 0/1/2/3/4/5/6/7/8 chiều dài các loại tương ứng 105/129/134/139/144//149/154/159/164mm, kích thước offset cổ khớp các cỡ 37/38/39/43/44/48/49/53/54mm, chiều dài cổ khớp các cỡ 30/35/37/40mm độ rộng phần đầu xa đuôi chuôi 4/5/6/8/10/12/14/16/18mm. Góc cổ chuôi 127 độ. Ổ cối toàn phần phủ titanium plasma (TPS) Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma giúp tăng khả năng liên kết với xương,						Bộ	20				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			thiết kế rãnh chống trượt, các cỡ 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64mm , đường kính trong 38/42/46/52mm, đường kính ngoài 44/46/48/50/52/54/56/58/60/62mm Chôm xương đùi CoCr, gồm các size đường kính 28mm với chiều dài Offset -3.5mm/0/+3.5mm, đường kính 32mm với chiều dài offset -4mm/0mm/+4mm/+7mm, đường kính 36mm với chiều dài Offset -4mm/0mm/+4mm/+7mm. Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE siêu liên kết (highly cross linked polyethylene), các size 28/38mm, 28/42mm, 32/42mm, 32/46mm, 32/52mm, 36/46mm, 36/52mm dạng snap fit giúp giảm thời gian phẫu thuật, góc bờ chống trượt 12 độ. Vít ổ cối Chất liệu Ti-6Al-7Nb ,đường kính 6.3mm, chiều dài 25/30/35mm. Tiêu chuẩn ISO: 13485, FDA.											
85	Phân Khớp háng bán phần các loại, các cỡ		1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V - Cỗ chuôi dính liền thân chuôi, với góc cổ chuôi 135° - Kích cỡ chuôi khoảng từ 8-18						Bộ	10				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			(tương ứng với chiều rộng đầu xa thân chuôi 8-18mm), bước tăng 1mm - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm. - Thân trên có cánh chống xoay và gờ nổi dọc hai bên thân trên hỗ trợ cố định. 2. Chòm khớp háng - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ: 22.2mm; 28mm 3. Ổ cối lưỡng cực - Chất liệu: vỏ ngoài bằng vật liệu thép cấy ghép chuyên dụng, lớp lót bằng polyethylene cao phân tử UHMWPE - Thiết kế tự định tâm với vòng khóa chống trật. - Kích thước đường kính ngoài khoảng từ 39 - 55mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.											
86	Phản Khớp gối toàn phần có xi măng		Lỗi cầu xương đùi: Vật liệu: Cro-Co Mo. Cấu tạo: Có một rãnh giữa, thành phần này cho phép xương bánh chè trượt lên khi co duỗi. Kích thước: 1, 2, 3, 4, 5						Bộ	5				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			Mâm chày: Vật liệu: Titanium Ti-6Al-4V Alloy. Kích thước: 1, 2, 3, 4, 5 Đệm mâm chày: Vật liệu: UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene). Kích thước: từ 1-5, dài từ 10 đến 16mm Xương bánh chè: Vật liệu: UHMWPE (Ultra High Molecular Weight Polyethylene). Cấu tạo: hình vòm đóng vai trò giúp xương bánh chè di chuyển trên rãnh thành phần xương đùi. Kích thước: 32, 34, 36, 38, 40mm Xi măng: Hàm lượng 40g. Thành phần gồm: bột và dung dịch. hoặc tương đương.											
	Phần Nẹp dọc cột sống lưng													
87	Nẹp dọc cột sống lưng		Chất liệu hợp kim Titanium, đường kính: 5.5 và 6.0 mm; chiều dài: 30 - 350 mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.						Cái	40				
88	Ốc khóa trong		Ốc khóa trong: Chất liệu hợp kim Titanium. Dùng để bắt chặt vít với nẹp dọc (rod). Đường kính ngoài: 10-12mm; độ dày: 4.5mm. Ren ốc khóa vát 3°, giúp cố định chặt đầu vít và ốc khóa. Tiêu chuẩn ISO,						Cái	160				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
			CE, GMP.											
89	Vít cột sống lưng đa trục các cỡ		Vít đa trục: Chất liệu hợp kim Titanium, tự taro. Vít thay đổi được góc giữa thân và mũ vít. Góc thay đổi: từ 0° - 34°; đầu mũ vít vát 3.6°. Đường kính thân vít: 5- 9mm; đường kính mũ vít: 13.9- 15.4mm; chiều dài vít: 46.4- 66.8mm; chiều dài thân vít: 30- 50mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.						Cái	160				
90	Phân Vít đa trục cột sống thắt lưng các cỡ		Chất liệu Titanium Ti-6Al-4V - Chiều cao đầu vít 16mm, chiều rộng 13.88mm - Đường kính vít gồm Ø3.5,4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 7.0mm - Chiều dài vít: Ø3.5 có chiều dài 25mm, 35mm; vít Ø4.5 có chiều dài 30mm; vít Ø5.0, Ø6.0 có chiều dài từ 35mm đến 45mm; vít Ø7.0 có chiều dài 40mm, 45mm) - Vít có thể xoay 360°, có độ mở góc xoay 50°, sử dụng Thanh rod Ø6.0mm đồng bộ với ốc vít khóa trong kích thước: 5mmx9.9mm của cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO, FDA						Chiếc	144				

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Tên hàng hóa theo QĐ 5086	Thông số kỹ thuật/Chủng loại, ký mã hiệu	Mã hàng hóa theo 5086	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính theo 5086	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng	
													Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu
91	Phần Đinh Steinman các cỡ		Đinh 1 đầu nhọn, đường kính 1.8, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 6.0; Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27%). Đạt chất lượng ISO 13485 và EC.						Cái	50				
92	Phần Mũi khoan xương		Đường kính từ 2.0, 2.2, 2.5, 2.7, 3.0, 3.2, 3.5, 3.7, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0; Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni); Đạt chất lượng ISO 13485 và EC.						Cái	100				
93	Phần Chi thép		Đường kính từ 0.3, 0.4, 0.5, 0.6, 0.7, 0.8, 0.9, 1.;. Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni); Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; 10m/cuộn.						Cuộn	80				
	Tổng số: 93 Mặt hàng													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]